TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG Bản án số: 15/2024/DS-ST Ngày 30/01/2024 V/v: "T/c hợp đồng vay tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Bình**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Thuận**
2. Bà **Nguyễn Tường Diễm Linh Giang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Cẩm Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên toà: Bà **Cao Thị Nhung** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2023/TLST- DS ngày 11 tháng 8 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu phố B, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thái H1, sinh năm 1982 và vợ bà Đào Thị M, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Minh H ***trình bày***: Ngày 03/01/2023, tôi có cho vợ chồng ông Nguyễn Thái H1, bà Đào Thị M vay 1.300.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay 07 ngày kể từ ngày 03/01/2023. Việc cho vay ông H1 có viết giấy vay tiền. Sau khi đáo hạn ngân hàng xong, ông H1 trả cho tôi được 300.000.000 đồng còn lại 1.000.000.000 đồng ông H1 không trả.

Nay tôi yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thái H1, bà Đào Thị M phải có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền vốn 1.000.000.000 đồng và lãi suất 0,83% tháng tính kể từ ngày 03/01/2023 đến xét xử sơ thẩm.

- Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thái H1***, bà*** Đào Thị M: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng ông H1,

bà M vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

***- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang*:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền theo hợp đồng vay nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Bị đơn cư trú tại ấp C, xã C, thành phố P nên theo qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Minh H có đơn vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Thái H1 và bà Đào Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Ông H khởi kiện yêu cầu ông H1, bà M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền gốc còn nợ là 1.000.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) từ ngày vay là ngày 03/01/2023 đến khi xét xử sơ thẩm và tiếp tục trả lãi đến khi trả xong nợ. Đối với số tiền ông H1 đã trả 300.000.000 đồng thì ông không yêu cầu tính lãi số tiền này.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 03/01/2023, ông H có cho ông Nguyễn Thái H1 vay số tiền 1.300.000.000 đồng, thời hạn vay 07 ngày, không thỏa thuận lãi suất. Hai bên có làm giấy vay tiền đề ngày 3/1/2023 do ông Nguyễn Thái H1 ký tên (BL 37). Ông H đã giao đủ số tiền vay cho ông H1 bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 7790555556868, Ngân hàng A của ông H1.

Quá trình giải vụ án, ông H1 không có ý kiến phản đối về các vấn đề ông H khởi kiện nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, tại Công văn số 101/NHN.PQ-TH ngày 12/01/2024 của Ngân hàng N – Chi nhánh P (A) trả lời: Tài khoản số 7790555556868 là của ông Nguyễn Thái H1, sinh năm 1982, mở tại Ngân hàng N chi nhánh P. Tài khoản này mở từ ngày 08/7/2021. Hiện tại tài khoản này còn hoạt động.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định ông H1 có vay của ông H số tiền 1.300.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 03/01/2023. Thời hạn vay là 07 ngày, đây là hợp đồng vay có thời hạn. Nay đã quá thời hạn nhưng ông H1 chỉ trả cho ông H được 300.000.000 đồng, còn 1.000.000.000 đồng chưa trả nên ông H khởi kiện yêu cầu ông H1 trả số tiền gốc còn nợ 1.000.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự.

[4] Về lãi suất: Hợp đồng vay ngày 03/01/2023 giữa ông H và ông H1 thể hiện số tiền vay là 1.300.000.000 đồng, thời hạn vay là 07 ngày, không có quy định lãi suất nên đây là hợp đồng vay có thời hạn nhưng không có lãi. Tuy nhiên, đến hạn ông H1 không trả đủ số tiền vay cho ông H nên ông H có quyền yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp theo khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận.

[5] Về số tiền lãi phải trả: Theo giấy vay tiền ngày 03/01/2023 thể hiện ngày vay là ngày 03/01/2023, thời hạn vay là 07 ngày kể từ ngày 03/01/2023. Như vậy, ngày đến hạn trả nợ là ngày 11/01/2023 đến khi xét xử sơ thẩm là ngày 30/01/2024 là 12 tháng 19 ngày, nên số tiền lãi phải trả là: 1.000.000.000đ x 12 tháng 19 ngày x 0,83% = 104.857.000 đồng.

[6] Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Đào Thị M tuy không ký giấy vay tiền nhưng tại thời điểm vay bà M và ông H1 là vợ chồng. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc bà M cùng có nghĩa vụ liên đới với ông H1 trả cho H số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và số tiền lãi 104.857.000 đồng. Tổng cộng 1.104.857.000 đồng.

[7] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H.

[8] Về án phí: Ông Nguyễn Minh H yêu cầu được Toà án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông H được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.743.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009428 ngày 11/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Thái H1, bà Đào Thị M phải chịu án dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả 1.104.857.000đ = 36.000.000đ x (3% x 304.857.000đ) = 45.145.710 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H đối với bị đơn ông Nguyễn Thái H1, bà Đào Thị M về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thái H1, bà Đào Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho cho ông Nguyễn Minh H2 số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi

104.857.000 đồng. Tổng cộng 1.104.857.000 đồng (Một tỷ một trăm lẻ bốn triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Minh H2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 22.743.000 đồng (Hai mươi hai triệu bản trăm bốn mươi ba nghìn đồng), theo biên lai thu số 0009428 ngày 11/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thái H1, bà Đào Thị M phải chịu án dân sự sơ thẩm số tiền 45.145.710 đồng (Bốn mươi lăm triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm mười đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Phú Quốc;
- CC.THA dân sự thành phố Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Hồ Văn Bình